

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

**YẾU TỐ CON NGƯỜI TRONG LỰC LƯỢNG SẢN
XUẤT VỚI VIỆC XÂY DỰNG NGUỒN NHÂN LỰC
CHẤT LƯỢNG CAO Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Triết học
Mã số: 60.22.80

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đà Nẵng - Năm 2015

Công trình hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. DUƠNG ANH HOÀNG**

Phản biện 1: **TS. Trần Ngọc Ánh**

Phản biện 2: **PGS.TS. Lê Văn Đính**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Khoa học xã hội và nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng ngày 31 tháng 01 năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin Học liệu - Đại Học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thành phố Đà Nẵng là một trong những đô thị lớn của đất nước, có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước. Trong những năm đổi mới, Đà Nẵng đã đạt được những thành tựu quan trọng và tương đối toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, sự phát triển đó chưa xứng với tiềm năng, thế mạnh của Thành phố và chưa đảm bảo vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai. Tình trạng này do nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân chủ yếu là: Nguồn nhân lực của Đà Nẵng đang nhiều về số lượng, thấp về chất lượng và hiệu quả sử dụng chưa hợp lý. Do đó chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố nói riêng và các tỉnh miền Trung nói chung.

Vì vậy, hơn bất cứ địa phương nào trong khu vực, Thành phố Đà Nẵng trong xu thế hiện nay cần phải có nguồn nhân lực chất lượng cao, những con người có đức, có tài, ham học hỏi, thông minh sáng tạo, được chuẩn bị tốt về kiến thức văn hóa, được đào tạo thành thạo về kỹ năng nghề nghiệp, về năng lực sản xuất kinh doanh, về điều hành vĩ mô nền kinh tế và toàn xã hội, có trình độ khoa học - kỹ thuật cao. Đó phải là nguồn nhân lực của một nền văn hóa công nghiệp hiện đại. Hơn nữa, trong xu hướng phát triển nền kinh tế tri thức và toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới, nguồn nhân lực có chất lượng cao được coi là điều kiện để rút ngắn khoảng cách tụt hậu và tăng trưởng nhanh.

Chính vì lẽ đó phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Thành phố Đà Nẵng trở thành nhiệm vụ cấp thiết.

Với ý nghĩa trên, tác giả chọn đề tài “ Yếu tố con người trong lực lượng sản xuất với việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao ở thành phố Đà Nẵng hiện nay ” làm đề tài nghiên cứu của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục tiêu:

+ Làm sáng tỏ yếu tố con người trong lực lượng sản xuất và vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao trong xu thế phát triển ở Thành phố Đà Nẵng hiện nay.

+ Đề xuất các giải pháp để đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Đà Nẵng.

- Nhiệm vụ :

+ Làm rõ những vấn đề lý luận về nguồn nhân lực, chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

+ Nghiên cứu thực trạng chất lượng nguồn nhân lực ở Thành phố Đà Nẵng, làm rõ những điểm mạnh, chỉ ra điểm yếu của chất lượng nguồn nhân lực, đưa ra những giải pháp khả thi nhằm khắc phục những hạn chế về mặt chất lượng nguồn nhân lực, đề xuất một số phương hướng, giải pháp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế, xã hội ở Thành phố Đà Nẵng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề của yếu tố con người trong lực lượng sản xuất, lý luận nguồn nhân lực, chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam nói chung và Thành phố Đà Nẵng nói riêng.

Tập trung nghiên cứu làm rõ thực trạng số lượng, chất lượng nguồn nhân lực, yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để từ đó tìm ra các phương hướng và giải pháp cơ bản để phát triển nguồn

nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở Thành phố Đà Nẵng.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, cùng các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta, các quan điểm khoa học hiện đại về nguồn nhân lực.

Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu:

- + Phương pháp logic – lịch sử.
- + Phương pháp thống kê, điều tra, khảo sát thực tiễn.
- + Phương pháp phân tích, so sánh, đánh giá.
- + Phương pháp kế thừa, nghiên cứu các tư liệu, tài liệu và kết quả của các công trình khoa học.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, nội dung, kết luận và danh mục tham khảo, luận văn gồm 3 chương và 9 tiết.

6. Ý nghĩa của đề tài nghiên cứu

Trong giai đoạn hiện nay, cả nước đang đẩy mạnh thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì vấn đề nguồn nhân lực chất lượng cao đã và đang được nhiều tác giả quan tâm và nghiên cứu. Cho đến nay đã có nhiều công trình được công bố với những mức độ thể hiện khác nhau trong đó có những công trình có liên quan trực tiếp đến đề tài như: *“Phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở thành phố Đà Nẵng”* của TS. Dương Anh Hoàng (Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012); *“Vấn đề xây dựng con người và phát triển nguồn nhân lực trong sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam”* (TS. Hà Văn Ánh, Tạp chí Phát triển nhân lực, số (1) - 2007); *“Sử dụng nguồn nhân lực trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta”* của Trần Kim Hải (Luận án Tiến sĩ kinh tế, Học viện

Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 1999); “*Nguồn lực con người trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam*” (Đoàn Văn Khái, luận án tiến sĩ triết học, bảo vệ năm 2000); “*Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá về hội nhập quốc tế*” tại Hội thảo khoa học - thực tiễn đăng trên Tạp chí Cộng sản số (9) 2012). “*Đầu tư phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh Quảng Nam*” (Nguyễn Văn Sỹ, tạp chí cộng sản số (10) 2011); “*Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay*” của PGS, TS Trần Ngọc Nam (Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III, Đà Nẵng, 2012) “*Vai trò của nhân tố chủ quan trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam hiện nay*” (Nguyễn Thị Bích Thủy, luận án tiến sĩ triết học, bảo vệ năm 2006) “*Lại bàn về phát triển nhân lực*” (Lê Bách, Tạp chí phát triển nhân lực, số (2) - 2007); “*Nguồn lực và động lực cho phát triển phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011-2020*” của PGS. TS, Ngô Doãn Vịnh chủ biên, (Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011). “*Đào tạo, bồi dưỡng và tái bồi dưỡng cán bộ, công chức là một công cụ phát triển nhân lực*” (Nguyễn Thanh Bình, Tạp chí Phát triển nhân lực, số (6) - 2008; “*Khai thác và phát triển tài nguyên nhân lực Việt Nam*” của Bộ kế hoạch và đầu tư, trung tâm thông tin và dự báo kinh tế - xã hội quốc gia, PGS.TS.Nguyễn Văn Phúc, Th.S Mai Thị Thu đồng chủ biên (Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012) và các công trình khác. Các luận án nói trên đã đi sâu phân tích đặc điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn vùng (hoặc tỉnh, thành); làm rõ thực trạng nguồn nhân lực ở các địa phương; và trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở các địa phương đó.

Tuy nhiên, để kế thừa và vận dụng sáng tạo những thành tựu của các công trình khoa học đã nêu trên, tác giả mong muốn đóng góp một phần công sức của mình cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ hiện nay. Trên cơ sở đó, làm sáng tỏ thực trạng nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Đà Nẵng trong những năm qua. Từ đó đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở thành phố Đà Nẵng hiện nay.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ YẾU TỐ CON NGƯỜI

TRONG LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

1.1. LÝ LUẬN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

1.1.1. Khái niệm về lực lượng sản xuất

Lực lượng sản xuất là mối quan hệ giữa con người với tự nhiên được hình thành trong quá trình sản xuất. Trình độ của lực lượng sản xuất thể hiện trình độ chinh phục của con người với tự nhiên. Lực lượng sản xuất là thể thống nhất hữu cơ giữa con người lao động với tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động. Ngoài công cụ lao động, trong tư liệu sản xuất còn có đối tượng sản xuất.

1.1.2. Các yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất

Lực lượng sản xuất được cấu thành bởi hai yếu tố cơ bản đó là sức lao động và tư liệu sản xuất. Trong đó:

- Sức lao động là chủ thể, là lực lượng sản xuất cơ bản, quyết định của xã hội, song để trở thành lực lượng sản xuất thì người lao động phải có những điều kiện sau:

+ Khả năng lao động: có thể lao động chân tay hoặc trí óc

+ Nhu cầu lao động: chủ thể đó phải có nhu cầu lao động, lao động một cách tự nguyện

+ Phải tham gia trực tiếp vào quá trình lao động: chủ thể đó phải là người trực tiếp tham gia vào quá trình lao động với một tinh thần trách nhiệm kỷ luật cao

- Tư liệu sản xuất: trong đó bao gồm tư liệu lao động và đối tượng lao động

+ Tư liệu lao động là một vật hay một hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người vào đối tượng lao

động nhằm cải biến đối tượng lao động theo mục đích của mình

+ Đối tượng lao động: là một phần của giới tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến hình thái tự nhiên của nó phù hợp với mục đích của con người. đối tượng lao động gồm có hai loại: loại có sẵn trong tự nhiên và loại đã trải qua lao động của con người

1.2. NGUỒN LỰC CON NGƯỜI TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

1.2.1. Khái niệm về nguồn lực con người

Theo ý kiến của nhiều nhà khoa học, “nguồn lực” là tổng hợp toàn bộ các yếu tố, các quá trình vật chất và tinh thần đang và sẽ tạo ra năng lực, sức mạnh thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Khái niệm “nguồn lực” chỉ ra khởi nguyên, cội nguồn sản sinh, nuôi dưỡng các yếu tố, quá trình vật chất và tinh thần để tạo ra năng lực, sức mạnh của sự phát triển. Nó không những bao gồm năng lực, sức mạnh hiện có thực tế, mà còn cả năng lực, sức mạnh dưới dạng khả năng (tiềm năng) và khi có điều kiện nhất định sẽ trở thành hiện thực. Chẳng hạn, khi nói “nguồn vốn” cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta hiểu bao gồm cả nguồn vốn trong nước (tiền mặt, tài sản có giá trị của quốc gia và của dân chúng) và nguồn vốn từ nước ngoài (ODA, FDI và các nguồn vốn khác). Đồng thời, các nguồn vốn này không phải là cố định, mà luôn được tăng lên theo quy luật phát triển của kinh tế thị trường và tự do thương mại nhờ có yếu tố trí tuệ và lao động sáng tạo của con người.

Theo lôgic khoa học của cách tiếp cận trên, nguồn nhân lực được hiểu là nguồn lực con người của một quốc gia hay một vùng lãnh thổ, một địa phương nhất định đang và có khả năng

tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Theo tổ chức Liên hợp quốc, nguồn nhân lực là trình độ lành nghề, kiến thức và năng lực hiện có thực tế và dưới dạng tiềm năng của con người (lực lượng lao động) để phát triển kinh tế - xã hội trong một cộng đồng.

Trong giáo trình kinh tế lao động thì nguồn nhân lực được hiểu là nguồn lực con người, đây là nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế - xã hội. Nguồn nhân lực khác với các nguồn lực khác (nguồn lực tài nguyên, nguồn lực tài chính, công nghệ...) thể hiện ở chỗ trong quá trình vận động, nguồn nhân lực bị tác động của nhiều yếu tố như tỷ lệ sinh, tử; việc làm, môi trường, điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội... Chính vì vậy, nguồn nhân lực đã được các nhà nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Nguồn nhân lực được hiểu như là nơi sinh sản, nuôi dưỡng và cung cấp nguồn lực con người cho phát triển. Mặt khác, nguồn nhân lực còn được hiểu như một yếu tố tham gia trực tiếp vào quá trình phát triển kinh tế xã hội, là tổng thể những con người cụ thể tham gia vào quá trình lao động; tức là bao gồm những người có khả năng lao động, là một bộ phận chủ yếu và quan trọng nhất trong nguồn nhân lực.

Trong lý luận về tăng trưởng kinh tế, nhân tố con người được đề cập với tư cách là lực lượng sản xuất chủ yếu, là phương tiện để sản xuất ra của cải. Ở đây, con người được xem xét từ góc độ là những lực lượng lao động cơ bản nhất trong xã hội. Việc cung cấp đầy đủ và kịp thời lực lượng lao động theo nhu cầu của nền kinh tế, là vấn đề quan trọng nhất, bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội.

Liên Hợp Quốc đưa ra khái niệm nguồn lực con người: là

tất cả những kiến thức, kỹ năng và năng lực của con người có quan hệ tới sự phát triển của đất nước. đây được coi là một yếu tố quan trọng bậc nhất trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Quan niệm về nguồn lực con người theo hướng tiếp cận này có phần thiên về chất lượng nguồn lực con người.

Theo GS.TS. Phạm Minh Hạc: “Nguồn nhân lực cần được hiểu là số dân và trí tuệ, năng lực, phẩm chất và đạo đức của người lao động. Nó là tổng thể nguồn nhân lực hiện có thực tế và tiềm năng được chuẩn bị sẵn sàng để tham gia phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia hay một địa phương nào đó”.

Theo TS. Dương Anh Hoàng: “nguồn nhân lực (nguồn lực con người) là tổng hợp những phẩm chất, năng lực và sức mạnh của lực lượng người đang và sẽ tham gia trực tiếp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. đó trước hết là những người lao động có sức khỏe, trí tuệ, đạo đức, trình độ chuyên môn, tay nghề, kỹ năng, kinh nghiệm, quyết tâm phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Từ những trình bày ở trên, có thể thấy rằng, nguồn lực con người không chỉ đơn thuần là lực lượng lao động đã có và sẽ có, mà còn là một tập hợp đa phức gồm nhiều yếu tố như trí tuệ, sức lực, kỹ năng làm việc... của con người.

1.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến nguồn lực con người

Việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phải chịu tác động của những nhân tố sau:

Thứ nhất: Trình độ phát triển kinh tế - xã hội

Thứ hai: Trình độ phát triển giáo dục - đào tạo.

Thứ ba: Truyền thống dân tộc và sự phát triển văn hóa.

Thứ tư: Cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội vĩ mô của Nhà nước.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG XÂY DỰNG NGUỒN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1 ĐẶC ĐIỂM VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ -XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của thành phố Đà Nẵng

Thành phố Đà Nẵng gồm vùng đất liền và vùng quần đảo trên biển Đông. Vùng đất liền nằm ở $15^{\circ}55'$ đến $16^{\circ}14'$ vĩ độ Bắc, $107^{\circ}18'$ đến $108^{\circ}20'$ kinh độ Đông, Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế, Tây và Nam giáp tỉnh Quảng Nam, Đông giáp Biển Đông. Vùng biển gồm quần đảo Hoàng Sa nằm ở $15^{\circ}45'$ đến $17^{\circ}15'$ vĩ độ Bắc, 111° đến 113° kinh độ Đông, cách đảo lý Sơn (thuộc tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam) khoảng 120 hải lý về phía Nam.

Thành phố Đà Nẵng có vị trí quan trọng ở miền Trung Việt Nam. Về mặt kinh tế, vị trí địa lý, môi trường cảnh quan, khí hậu của Đà Nẵng đã tạo những thuận lợi rất quan trọng để mở rộng giao lưu kinh tế, phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ, và du lịch trong nước và quốc tế, phát triển nhanh các lĩnh vực của kinh tế- xã hội, tạo cho Đà Nẵng trở thành vùng kinh tế trọng điểm của miền Trung, là động lực cho cả khu vực phát triển. Như vậy với đặc điểm thuận lợi về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, thành phố Đà Nẵng có lợi thế so sánh rất lớn trong phát triển kinh tế, trong đó tác động và chi phối đến nguồn nhân lực.

Hiện nay Tp. Đà Nẵng cũng đã đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, các công trình công cộng để phục vụ dân sinh và phát triển du lịch; đẩy mạnh các dự án đầu tư du lịch; mở rộng cơ sở

lưu trú phục vụ du lịch; xây dựng hàng loạt sản phẩm du lịch mới, có sức hấp dẫn và thu hút khách du lịch; triển khai các chương trình xúc tiến, quảng bá du lịch trong và ngoài nước; đẩy mạnh liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa Thừa Thiên-Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam... Bên cạnh đó, việc các đường bay quốc tế và các đường bay thuê chuyến từ Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Pháp, Đức, Úc, Mỹ,... đến Đà Nẵng ngày càng được mở rộng khiến lượng khách du lịch từ các thị trường này tăng dần...

Trong phương hướng phát triển du lịch Tp. Đà Nẵng giai đoạn 2011 – 2015, ngành du lịch Đà Nẵng đã xác định 3 đích cụ thể là: phát triển du lịch biển, nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái; phát triển du lịch văn hoá, lịch sử, thắng cảnh, làng quê, làng nghề; và phát triển du lịch công vụ mua sắm, hội nghị, hội thảo.

Cơ sở hạ tầng:

Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện có đủ 4 loại đường giao thông thông dụng là: đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không.

Với những đặc điểm, tiềm năng, lợi thế như vậy, Đà Nẵng hội tụ đầy đủ điều kiện để phát triển kinh tế xã hội thế mạnh của từng vùng.

2.1.2. Đặc điểm về kinh tế xã hội thành phố Đà Nẵng

Thực tế kinh tế thành phố hàng năm đều tăng trưởng và phát triển nhanh, song chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài, trong đó có cơ sở để kết luận yếu tố bên ngoài là chính. Đó là sự thay đổi chính sách của nhà nước do ảnh hưởng tình hình kinh tế khu vực và thế giới.

Trong quá trình đổi mới, Thành phố Đà Nẵng đã đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội:

Thứ nhất, tăng trưởng kinh tế tốc độ cao. Cơ cấu kinh tế thay đổi theo hướng công nghiệp – dịch vụ - nông nghiệp.

Thứ hai, nền kinh tế thành phố đã có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kinh tế nhà nước vẫn giữ vị trí quan trọng trong toàn bộ nền kinh tế thành phố với chất lượng, hiệu quả cao hơn và tác động khá mạnh đến các thành phần kinh tế khác.

Thứ ba, trên cơ sở phát huy và khai thác lợi thế so sánh trong từng ngành, tăng hiệu quả và chất lượng phát triển cơ cấu kinh tế theo ba khu vực đã từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp với xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế của cả nước.

Thứ tư, thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế cả trong và ngoài nước, trong đó chú trọng đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh dịch vụ và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

Thứ năm, các ngành kinh tế đều có những chuyển biến tích cực, trong từng ngành đã có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng kinh doanh có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu nội tại và đẩy mạnh xuất khẩu.

Thứ sáu, các hoạt động văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống dân cư không ngừng được nâng cao cả về vật chất và tinh thần.

2.2 VAI TRÒ NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.2.1 Khái niệm về nguồn nhân lực chất lượng cao

Nguồn nhân lực chất lượng cao phải là nguồn nhân lực với bốn đặc trưng chính: có trí tuệ, nhân cách, tay nghề vượt trội và có năng lực thực tế hoàn thành nhiệm vụ được giao một cách xuất sắc

nhất so với mặt bằng chung phù hợp với nền kinh tế - xã hội hiện đại mang tính chất tri thức.

2.2.2. Vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao

Một là: Nguồn nhân lực chất lượng cao là điều kiện tiên quyết đảm bảo sự thành công của sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn.

Hai là: Nguồn nhân lực chất lượng cao là điều kiện để rút ngắn khoảng cách tụt hậu và tăng trưởng nhanh

Ba là: Nguồn nhân lực chất lượng cao là động lực chủ yếu tiếp cận và phát triển nền kinh tế tri thức.

Tóm lại: Động lực, mục tiêu của sự phát triển và tác động của sự phát triển tới bản thân con người cũng nằm trong chính bản thân con người. Điều đó lý giải tại sao con người, mà trước hết là nguồn nhân lực chất lượng cao, được coi là nhân tố năng động nhất, quyết định nhất của sự phát triển kinh tế-xã hội. Đối với Việt Nam, chưa bao giờ cơ hội cất cánh lại lớn như ngày nay. Với WTO, đường bay đã sẵn sàng. Bay nhanh bao nhiêu, bay cao bao nhiêu thuộc về cánh bay nào và nhiên liệu nào. Cánh bay của chúng ta là nguồn nhân lực chất lượng cao. Và nhiên liệu chính là tri thức.

2.2.3. Chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong phát triển nguồn nhân lực nước ta

Trong các nguồn lực có thể khai thác như nguồn lực tự nhiên, nguồn lực khoa học công nghệ, nguồn lực con người thì nguồn lực con người là quyết định nhất bởi lẽ những nguồn lực khác chỉ có thể khai thác có hiệu quả khi nguồn lực con người được phát huy. Những nguồn lực khác ngày càng cạn kiệt, ngược lại nguồn lực con người ngày càng đa dạng và phong phú. Nguồn lực con người là những yếu tố có thể huy động, sử dụng để thúc đẩy nền kinh tế đất nước và sự

phát triển xã hội. được tăng cường, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản, vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao”. Để thực hiện mục tiêu đó trong 10 năm tới cần: Phát triển giáo dục mầm non, củng cố vững chắc kết quả xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học tiến hành phổ cập trung học cơ sở trong cả nước. Phần lớn thanh thiếu niên trong độ tuổi ở thành thị và vùng nông thôn đang được học hết trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và được đào tạo nghề. Điều chỉnh cơ cấu bậc học, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng, cơ cấu dân tộc...trong hệ thống giáo dục - đào tạo phù hợp với yêu cầu học tập của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội và các mục tiêu của chiến lược. Chú trọng giáo dục hướng nghiệp thiết thực trong trường phổ thông. Mở rộng đào tạo công nhân kỹ thuật viên và nhân viên nghiệp vụ theo nhiều trình độ. Phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo đại học sau đại học tập trung đầu tư xây dựng một số trường đại học trọng điểm quốc gia ngang tầm khu vực tiến tới đạt trình độ quốc tế. Phát triển giáo dục thường xuyên và giáo dục từ xa. Khẩn trương biên soạn và đưa vào sử dụng ổn định trong cả nước bộ chương trình và sách giáo khoa phổ thông phù hợp với yêu cầu mới của sự nghiệp phát triển giáo dục trong thế kỷ XXI.

2.3. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY

2.3.1. Nguồn nhân lực thành phố Đà Nẵng

Lực lượng lao động của Đà Nẵng chiếm gần 50% dân số thành phố. Theo số liệu thống kê của Trung tâm Xúc tiến đầu tư thành phố, năm 2011 lao động có trình độ đại học, cao đẳng chiếm 18% lực lượng lao động thành phố, công nhân kỹ thuật chiếm 9%, trung cấp chiếm 5% và 68% lực lượng lao động khác

Hiện nay, toàn thành phố có 24 trường đại học và cao đẳng, 19 trường trung học chuyên nghiệp và 59 trung tâm dạy nghề. Đại học Đà Nẵng là đại học đa ngành và đa cấp có quy mô lớn, đóng vai trò chủ đạo trong việc đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học ở khu vực miền Trung Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung.

2.3.2. Thực trạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao **Về số lượng nguồn nhân lực**

Những năm vừa qua do tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa cùng với tác động của yếu tố sinh đẻ tự nhiên và di dân làm cho cơ cấu dân số cũng biến đổi. Nếu vào năm 2000, dân số toàn thành phố là 716.282 người (thành thị 565.440 người và nông thôn 150.842 người), năm 2006 dân số toàn thành phố đã tăng lên 890.490 người (thành thị 773.470 người và nông thôn 117.020 người). Những số liệu trên đây cho thấy dân số tăng lên chủ yếu ở thành thị. Điều này phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ (tập trung chủ yếu ở thành phố) và giảm tỷ trọng nông nghiệp.

Những năm qua Đà Nẵng thu hút được một số lượng lớn dân cư và người lao động ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên về làm ăn sinh sống tại thành phố, đồng thời có một số lượng rất lớn sinh viên ra trường ở lại thành phố làm việc.

Như vậy sự gia tăng dân số và lực lượng lao động ở Đà Nẵng trong những năm qua và những năm sắp tới xét ở mặt số lượng nguồn nhân lực là một thuận lợi rất cơ bản.

2.3.3. Những vấn đề đặt ra trong công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở thành phố Đà Nẵng

a. Đào tạo nguồn nhân lực

Cơ cấu lao động qua đào tạo hiện nay chưa phù hợp cho một

thành phố phát triển theo hướng công nghiệp (tỷ lệ giữa đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, công nhân kỹ thuật là 1-0,4-2,0 (cả nước là 1-2,4-3,5 và các nước phát triển là 1-4-10). Tỷ lệ lao động qua đào tạo vẫn còn thấp; trình độ năng lực của lực lượng lao động qua đào tạo vẫn còn bất cập. Công tác đào tạo nghề trong những năm gần đây phát triển tương đối nhanh, song chưa đáp ứng về số lượng và chất lượng. Công tác dạy nghề phát triển thiếu quy hoạch, quy mô cơ sở dạy nghề còn nhỏ lẻ, không đồng bộ; phần lớn trang thiết bị dạy nghề ngoài công lập vừa thiếu vừa lạc hậu; đội ngũ giáo viên sư phạm kỹ thuật chưa đồng bộ, tỷ lệ giáo viên dạy nghề đạt chuẩn còn thấp. Việc thu hút cán bộ khoa học giỏi từ các địa phương khác còn bất cập, không có cơ quan chuyên nghiên cứu triển khai.

b. Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao bên ngoài để sử dụng

Trong những năm qua thành phố đã có nhiều chính sách đặc biệt để khuyến khích thu hút nhân tài, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho người tài phát huy năng lực của mình. Đó là các chính sách, chế độ đãi ngộ ban đầu đối với những người có trình độ cao tự nguyện đến làm việc lâu dài tại Thành phố Đà Nẵng.

Việc thu hút nhân lực về làm việc được thành phố triển khai từ năm 1998 bằng chính sách đãi ngộ ban đầu đối với những người tự nguyện đến làm việc lâu dài tại thành phố (chính sách thu hút). Sau 15 năm thực hiện, thành phố đã tiếp nhận và bố trí công tác cho 1.043 người tốt nghiệp đại học công lập, chính quy trở lên; trong đó có 13 tiến sỹ (chiếm 1%), 224 thạc sỹ (chiếm 22%) và 806 người tốt nghiệp đại học (chiếm 77%); 45 người tốt nghiệp các cơ sở đào tạo nước ngoài (4,3%). Đây là một kết quả rất khả quan góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức viên chức của thành phố.

Trong số cán bộ công chức viên chức thành phố tăng thêm trong 15 năm qua, có 16% là đối tượng thuộc diện được thu hút. Nhiều cán bộ thu hút đã trưởng thành sau thời gian công tác tại Đà Nẵng, 297 người (28,4%) đã trở thành Đảng viên, 206 người (19,75%) được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên (trong đó, có 0,8% cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý).

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.4.1. Thành tựu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao (đào tạo, sử dụng, thu hút)

Đà Nẵng có nguồn nhân lực dồi dào (nguồn lao động chiếm 58% dân số thành phố). Nguồn lao động này chủ yếu là trẻ, khỏe. Số lao động có chuyên môn kỹ thuật chiếm gần một phần tư lực lượng lao động. Chi phí lao động ở Đà Nẵng thấp so với một số Thành phố khác trong cả nước. Đà Nẵng là một trong những tỉnh, thành phố trong cả nước có chỉ số phát triển giáo dục cao với hệ thống giáo dục khá hoàn chỉnh, tạo nền tảng thuận lợi và vững chắc. Để thực hiện các mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng cuộc sống, Thành phố đã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở và đang tiến tới thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục phổ thông trung học. Thành phố có 6 trường đại học, cao đẳng và 15 trường trung học chuyên nghiệp với hơn 93.745 sinh viên, hệ thống các trường này thực hiện chuyên ngành đào tạo trên hầu hết các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, kinh tế, quản trị kinh doanh, ngoại ngữ và sư phạm v.v

Vấn đề đào tạo cũng như thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ là chiến lược lâu dài nhằm góp phần đảm bảo sự phát triển nhanh chóng và bền vững của thành phố.

2.4.2. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết để phát triển và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao

Thứ nhất, nhìn một cách tổng thể, nhu cầu phát triển của Đà Nẵng và của đất nước được Bộ chính trị giao cho Đảng bộ và nhân dân Đà Nẵng là: “xây dựng Thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những đô thị lớn của cả nước, là trung tâm kinh tế - xã hội lớn của miền Trung với vai trò là trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ; là thành phố cảng biển, đầu mối giao thông quan trọng về trung chuyển vận tải trong nước và quốc tế...; là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của khu vực miền Trung và cả nước”.

Thứ hai, rà soát, đánh giá lại nguồn nhân lực vốn có, trên cơ sở đó quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng lực lượng cán bộ nguồn để đáp ứng nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2015: chuyển dịch và hoàn thiện cơ cấu dịch vụ - công nghiệp, nông nghiệp;

Thứ ba, thực hiện nhất quán và có hiệu quả chính sách “chiêu hiền, đãi sĩ”, Cùng với chính sách và cơ chế sử dụng người có tài, cần thường xuyên quan tâm đến lợi ích của số đông, của tất cả những người lao động

Thứ tư, tăng cường nội lực cho giáo dục - đào tạo. Trước mắt cần tập trung các nguồn lực vào đào tạo công nhân kỹ thuật, trung cấp kỹ thuật, đại học và sau đại học . Mục tiêu chung là phối hợp chặt chẽ vì một thành phố Đà Nẵng phát triển phồn vinh và bền vững.

Hiện nay và trong những năm tới, vấn đề cấp bách đặt ra cho việc phát triển nguồn nhân lực một cách đồng bộ, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2010 – 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, đánh giá lại nguồn nhân lực và đào tạo cán bộ nguồn; tăng cường nội lực cho giáo dục đào tạo.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1 ĐẶC THÙ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1.1 Những thế mạnh của Thành Phố Đà Nẵng

Thứ nhất, trong phạm vi khu vực, quốc tế, Đà Nẵng là ngã ba quốc tế với hệ thống đường biển, đường hàng không quốc tế, đường bộ, đường sắt, cửa ngõ ra biển quan trọng của Tây Nguyên, Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar và các nước vùng Đông Bắc Á.

Thứ hai, Việt Nam gia nhập WTO đã mở ra những điều kiện thuận lợi và thời cơ lớn cho cả nước nói chung và cho Đà Nẵng nói riêng trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, tiếp cận tri thức khoa học tiên tiến và công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng, sử dụng nhân tài của các nước phát triển.

Thứ ba, sau hơn hai mươi năm đổi mới Đà Nẵng có những thành tựu đáng kể như thành tựu tăng trưởng kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng của thành phố đã tạo ra những tiền đề và điều kiện để thu hút và phát triển nguồn nhân lực.

Thứ tư, con người Đà Nẵng vốn giàu truyền thống cách mạng, có bản lĩnh kiên cường chống giặc ngoại xâm, kiên trì chịu khó sáng tạo trong lao động, tiết kiệm chất chiu trong cuộc sống. Bên cạnh đó, lãnh đạo Thành Phố Đà Nẵng đang thực hiện một quyết tâm rất cao: “trải thảm đỏ” để “chiêu hiền đãi sĩ”, thu hút nhân tài làm tăng thêm nội lực để phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3.1.2 Những hạn chế của Thành Phố Đà Nẵng

Thứ nhất, nhìn chung những năm qua, tăng trưởng kinh tế Đà

Năng chưa ổn định, sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao, năng suất lao động còn thấp. Sức ép về cạnh tranh phát triển cùng với những vấn đề xã hội bức xúc, nhất là những vấn đề an sinh xã hội, bảo vệ môi trường... cũng đặt ra nhiều thách thức mới. Một bộ phận dân cư còn gặp khá nhiều khó khăn về đời sống vật chất và tinh thần, công ăn việc làm như các xã ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa.

Thứ hai, Đà Nẵng nằm trong vùng thời tiết khắc nghiệt nên hàng năm phải chịu ảnh hưởng rất lớn của không khí lạnh phía Bắc tràn xuống và chịu ảnh hưởng của gió Lào. Những năm gần đây Đà Nẵng chịu ảnh hưởng mạnh của bão và lũ quét gây thiệt hại nặng nề cho đời sống của nhân dân. Chính vì vậy trong chiến lược phát triển đòi hỏi Đà Nẵng cần phải có chương trình phòng chống thiên tai có hiệu quả.

Thứ ba, Thành Phố Đà Nẵng có rất nhiều cố gắng trong việc “thu hút nhân tài” tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3.2 ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY

3.2.1. Những quan điểm chủ yếu về tạo lập nguồn nhân lực chất lượng cao qua giáo dục và đào tạo để phát triển kinh tế-xã hội ở thành phố Đà Nẵng đến 2020

Thứ nhất: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là nhân tố đóng vai trò quyết định thành công của quá trình tiếp cận nền kinh tế trí thức

Thứ hai: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phải được tiến hành và quản lý trên cả ba mặt chủ yếu một cách đồng bộ: Đào tạo, sử dụng và tạo môi trường phát triển nguồn nhân lực.

Thứ ba: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong điều kiện hội nhập quốc tế và khu vực.

Thứ tư: Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo là một cách đúng đắn, là điều kiện quyết định việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực .

3.2.2 Các chính sách về thu hút nhân tài, bố trí công việc và môi trường làm việc hợp lý. Đồng thời tôn trọng và tạo cơ hội phát triển ... để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao của thành phố Đà Nẵng hiện nay

- Một là thu hút nguồn nhân tài:
- Hai là phân công, bố trí công việc hợp lý:
- Ba là môi trường làm việc và việc quản lý điều hành:
- Bốn là sự tôn trọng và cơ hội phát triển:
- Năm là việc truyền thông hiệu quả:

3.3. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.3.1. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội dựa trên thế mạnh vốn có của Đà Nẵng

- Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.

- Trong lĩnh vực dịch vụ, tập trung các nguồn lực phát triển nhanh các ngành dịch vụ cao cấp như: du lịch; thương mại; tài chính - ngân hàng- bảo hiểm- tín dụng; vận tải- kho bãi dịch vụ cảng; công nghệ thông tin; kinh doanh tài sản - bất động sản ; dịch vụ tư vấn; khoa học và công nghệ; y tế và giáo dục- đào tạo chất lượng cao...nhằm tạo điều kiện cho khu vực dịch vụ tăng trưởng cao hơn khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng GDP trong những năm tới.

- Trong lĩnh vực du lịch, đầu tư phát triển du lịch bền vững, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với một số dự án trọng điểm.

- Phát triển đa dạng hệ thống phân phối hàng hóa như: kho bãi, siêu thị cửa hàng tự chọn và từng bước tiếp cận thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

- Trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng tập trung theo hướng tăng hàm lượng khoa học công nghệ và nội địa trong sản phẩm; chú trọng công nghệ cao, sử dụng năng lượng sạch, công nghệ thân thiện với môi trường.

- Trong lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn tập trung các nguồn lực phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, hiện đại, giá trị gia tăng lớn, đạt yêu cầu về hiệu quả - chất lượng - sạch theo hướng phục vụ cho đô thị, du lịch, khu công nghiệp và gắn với ngành nghề khác, góp phần bảo vệ môi trường; tăng tỉ trọng chăn nuôi, thủy sản và dịch vụ nông nghiệp

3.3.2. Xây dựng môi trường xã hội thuận lợi, phục vụ cho việc khai thác, sử dụng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Xây dựng môi trường xã hội thuận lợi:

- Giải quyết đúng đắn vấn đề lợi ích:

3.3.3. Tập trung các nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo

Thứ nhất, tăng cường đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất- kỹ thuật của giáo dục - đào tạo.

Thứ hai, thực hiện tiêu chuẩn hóa giáo dục - đào tạo.

Thứ ba, đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục - đào tạo là yêu cầu tất yếu và cấp bách

Thứ tư, đa dạng hóa các hình thức, tổ chức giáo dục - đào tạo và đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục.

Thứ năm, đẩy mạnh đào tạo nghề.

Các biện pháp nói trên phải được thực hiện một cách đồng bộ trong sự phối hợp và liên kết giữa thành phố với các cơ quan trung ương, cơ sở, ban, ngành và các quận huyện để tạo ra sức mạnh tổng hợp thúc đẩy sự nghiệp giáo dục - đào tạo của Đà Nẵng trong những năm tới.

Một là: Đẩy mạnh hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ trí thức đảm bảo yêu cầu chất lượng, số lượng và hợp lý về cơ cấu.

Hai là: Có chính sách phù hợp nhằm thu hút các nhà nghiên cứu, nhà khoa học ở nước ngoài cũng như các nghiên cứu sinh, thực tập sinh, sinh viên Việt Nam học tập ở các nước sau khi tốt nghiệp về nước làm việc, công tác.

Ba là: Có chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức.

Bốn là: Cần xây dựng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực đồng bộ, gắn đào tạo với sử dụng, khắc phục tình trạng mất cân đối trong đào tạo các bậc học

Năm là: Nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý.

KẾT LUẬN

Trong thời đại hiện nay, việc đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thành phố Đà Nẵng phải gắn liền với phát triển kinh tế tri thức và quá trình hội nhập quốc tế và khu vực. Nền kinh tế tri thức với những yêu cầu cao về tiềm lực trí tuệ và khoa học công nghệ đang đặt ra những thử thách lớn đối với phát triển nguồn nhân lực, trong đó nguồn nhân lực chất lượng cao chiếm vị trí hàng đầu.

Hiện nay nguồn nhân lực ở nước ta nói chung, ở Thành phố Đà Nẵng nói riêng bên cạnh ưu thế như: lực lượng lao động dồi dào, tính cần cù, thông minh, sáng tạo còn có những hạn chế không nhỏ, đó là chất lượng nguồn nhân lực chưa cao thể hiện ở lực lượng lao động qua đào tạo còn thấp, kỹ năng lao động, thể lực còn nhiều hạn chế, chưa quen tác phong văn minh công nghiệp...

Để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội thành phố trong điều kiện hội nhập quốc tế và khu vực, cần nhanh chóng thực hiện hàng loạt các giải pháp về Giáo dục và Đào tạo, giải pháp về phân bổ và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực, giải pháp về thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao bên ngoài thành phố, giải pháp về nâng cao tình trạng sức khỏe, nâng cao chất lượng dân số, cải thiện môi trường sống cho con người, giải pháp tạo việc làm cho người lao động, giải pháp về xây dựng môi trường xã hội thuận lợi phục vụ cho việc khai thác và sử dụng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Tuy nhiên, các giải pháp trên chỉ có thể trở thành hiện thực khi chúng được thực hiện trên cơ sở nhận thức đúng vị trí của nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời đại ngày nay trong quá trình hội nhập quốc tế và khu vực, coi nguồn nhân lực chất lượng cao là nhân tố quyết định cho sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.